

BÙI MINH TOÁN - LÊ A - ĐỖ VIỆT HÙNG

TIẾNG VIỆT

thực hành



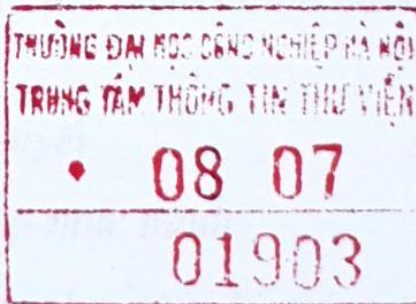
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MINH TOÁN (Chủ biên)

LÊ A - ĐỖ VIỆT HÙNG

TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

(Tái bản lần thứ mười tám)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 12 tháng 9 năm 1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 3244/GD-ĐT về việc ban hành Bộ chương trình Giáo dục đại cương (giai đoạn I). Trong đó, chương trình môn Tiếng Việt thực hành (in ở tr. 4, 5, 6) là một trong những chương trình có vai trò quan trọng trong đào tạo sinh viên đại cương. Song, trên thực tế, việc dạy – học môn *Tiếng Việt thực hành* còn mang nhiều tính thụ động, chủ yếu theo phương thức dạy chay – học chay. Giáo viên và học sinh chưa có một cuốn giáo trình thống nhất. Điều đó gây không ít khó khăn cho cả thầy và trò khi dạy – học và thực hành tiếng Việt.

Trước thực trạng đó, chúng tôi mạnh dạn biên soạn cuốn "*Tiếng Việt thực hành*" nhằm phần nào đáp ứng nhu cầu dạy – học môn này trong nhà trường "đại cương". Cuốn sách được biên soạn bám sát chương trình *Tiếng Việt thực hành* do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nội dung sách gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau trong từng chương.

I – *Giản yếu về lí thuyết*

II – *Hệ thống bài tập thực hành*

Với cách biên soạn như vậy, hi vọng cuốn sách sẽ góp phần giảm bớt đi những khó khăn hiện có trong thực hành tiếng Việt.

Đây là một biên soạn lần đầu theo một chương trình mới nên chắc chắn không tránh khỏi những sơ suất. Trong quá trình sử dụng, mong bạn đọc đóng góp ý kiến để những lần tái bản sau, sách được tốt hơn.

Hà Nội, tháng 10 năm 1996

CÁC TÁC GIẢ

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
053(TV)101. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (A)⁽¹⁾ (4ĐVHT)
VIETNAMESE IN USE (A)

MỤC TIÊU

1. Phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt (chủ yếu là viết và nói) cho sinh viên các nhóm ngành khoa học xã hội – nhân văn.
2. Góp phần cùng các môn học khác rèn luyện tư duy khoa học cho sinh viên.

KHUYẾN NGHỊ

1. Chương trình được thực hiện thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng, không sa vào trình bày lý thuyết ngôn ngữ học và Việt ngữ học.
2. Để đảm bảo hiệu quả thực hành lớp học không nên quá 50 sinh viên.

Nội dung cụ thể :

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

- I. Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản (30 tiết)
 - I.1. Phân tích một văn bản
 - I.1.1. Tìm ý chính của một đoạn văn
 - I.1.2. Tìm hiểu cách lập luận trong một đoạn văn
 - I.1.3. Tìm dàn ý của một lập luận trong một văn bản
 - I.2. Thuật lại nội dung tài liệu khoa học
 - I.2.1. Tóm tắt một tài liệu khoa học
 - I.2.2. Tổng thuật các tài liệu khoa học

(1) Ban hành theo Quyết định số 3244/ GD – ĐT ngày 12/09/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- I.2.3. Trình bày lịch sử vấn đề
- I.3. Tạo lập văn bản
 - I.3.1. Lập đề cương
 - I.3.2. Viết đoạn văn
 - I.3.3. Liên kết các đoạn văn
 - I.3.4. Rèn luyện kỹ thuật trình bày luận văn khoa học
- II. Rèn luyện kỹ năng đặt câu (15 tiết)
 - II.1. Chữa các lỗi thông thường về câu
 - II.1.1. Các lỗi về cấu tạo câu
 - II.1.2. Các lỗi về dấu câu
 - II.2. Biến đổi câu
 - II.2.1. Mở rộng và rút gọn câu
 - II.2.2. Thay đổi trật tự thành tố trong câu
 - II.2.3. Thay đổi các lối nói (phủ định / khẳng định, tường thuật, nghi vấn / mệnh lệnh / cảm thán, lời nói trực tiếp / lời nói gián tiếp).
- III. Rèn luyện kỹ năng dùng từ và kỹ năng về chính tả (15 tiết)
 - III.1. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ
 - III.1.1. Các lỗi về nghĩa của từ
 - III.1.2. Các lỗi về phong cách
 - III.2. Chữa các lỗi thông thường về chính tả
 - III.2.1. Các lỗi về thanh điệu
 - III.2.2. Các lỗi về vần
 - III.2.3. Các lỗi về phụ âm đầu
 - III.3. Tìm hiểu quy tắc viết hoa và quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài
 - III.3.1. Quy tắc viết hoa
 - III.3.2. Quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài

053(TV)105. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (B) (3ĐVHT) VIETNAMESE IN USE (B)

MỤC TIÊU

1. Phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt (chủ yếu là viết và nói) cho sinh viên các nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế, khoa học xã hội.
2. Góp phần cùng các môn học khác rèn luyện tư duy khoa học cho sinh viên.

KHUYẾN NGHỊ

1. Chương trình được thực hiện thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng, không sa vào trình bày lý thuyết ngôn ngữ học và Việt ngữ học.
2. Để đảm bảo hiệu quả thực hành, lớp học không nên quá 50 sinh viên.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản (30 tiết)

I.1. Phân tích một văn bản

I.1.1. Tìm ý chính của một đoạn văn

I.1.2. Tìm hiểu cách lập luận trong một đoạn văn

I.1.3. Tìm dàn ý của một lập luận trong một văn bản

I.2. Thuật lại nội dung tài liệu khoa học

I.2.1. Tóm tắt một tài liệu khoa học

I.2.2. Tổng thuật các tài liệu khoa học

I.2.3. Trình bày lịch sử vấn đề

I.3. Tạo lập văn bản

I.3.1. Lập đề cương

I.3.2. Viết đoạn văn

I.3.3. Liên kết các đoạn văn

I.3.4. Rèn luyện kĩ thuật trình bày luận văn khoa học

II. Rèn luyện kĩ năng đặt câu, dùng từ và kĩ năng về chính tả
(15 tiết)

II.1. Chữa các lỗi thông thường về câu

II.1.1. Các lỗi về cấu tạo câu

II.1.2. Các lỗi về dấu câu

II.2. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ

II.2.1. Các lỗi về nghĩa của từ

II.2.2. Các lỗi về phong cách

II.3. Viết hoa và phiên âm tiếng nước ngoài

II.3.1. Viết hoa

II.3.2. Phiên âm tên riêng tiếng nước ngoài

Mở đầu

TIẾNG VIỆT VÀ BỘ MÔN "TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH"

I – KHÁI QUÁT VỀ TIẾNG VIỆT

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ của dân tộc Việt (dân tộc Kinh), đồng thời cũng là tiếng phổ thông của tất cả các dân tộc anh em sống trên đất nước Việt Nam.

Trải qua hàng nghìn năm phát triển cùng với sự phát triển của dân tộc, tiếng Việt càng ngày càng lớn mạnh. Trong lịch sử, cũng đã từng có thời kì các thế lực xâm lược ngoại bang và tầng lớp thống trị trong nước dùng tiếng nói và chữ viết nước ngoài (tiếng Hán, tiếng Pháp) làm ngôn ngữ chính thống trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn hoá, giáo dục, ... và tiếng Việt bị coi rẻ, bị chèn ép, nhưng tiếng Việt cũng như dân tộc Việt, không bị đồng hoá, không bị mai một, mà vẫn tồn tại và phát triển mạnh mẽ. Với sự ra đời và phát triển của chữ Nôm, rồi chữ quốc ngữ, tiếng Việt càng ngày càng khẳng định địa vị của nó, trường tồn và phát triển cho đến ngày nay.

Từ sau ngày dân tộc giành được độc lập, tiếng Việt đã trở thành một ngôn ngữ quốc gia chính thức và đảm nhiệm nhiều chức năng lớn lao. Đến nay, tiếng Việt có địa vị ngang hàng với các ngôn ngữ phát triển trên thế giới, vì thế và vai trò của tiếng Việt trên trường quốc tế càng ngày càng được khẳng định và đề cao.

2. Tiếng Việt đã và đang đảm nhiệm các *chức năng xã hội* trọng đại.

Trước hết, cũng như ngôn ngữ của loài người nói chung, tiếng Việt là *phương tiện giao tiếp quan trọng nhất* trong xã hội Việt Nam hiện nay. Chức năng trọng đại đó chẳng những biểu lộ trong lĩnh vực giao tiếp hàng ngày của mọi người Việt Nam, của tất cả các dân tộc anh em sống trên đất nước Việt Nam, mà còn được biểu lộ trong các lĩnh vực hoạt động giao tiếp về chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá, giáo dục, quân sự, ngoại giao... Ngày nay, trong mọi lĩnh vực hoạt động của người Việt, kể cả trong lĩnh vực ngoại giao, quan hệ quốc tế, và lĩnh vực khoa học chuyên sâu, tiếng Việt đều được sử dụng là phương tiện giao tiếp chính thức.

Riêng trong lĩnh vực giáo dục nhà trường, cũng từ năm 1945, tiếng Việt được dùng làm *ngôn ngữ chính thức trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu* từ bậc mẫu giáo đến bậc đại học và cao học. Nó là phương tiện để truyền đạt và tiếp nhận các tri thức khoa học thuộc tất cả các chuyên ngành, cũng là phương tiện để tiến hành các hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, tình cảm, lối sống... Đặc biệt, càng ngày càng có nhiều người nước ngoài học tập và nghiên cứu về Việt Nam hoặc đến ở Việt Nam. Họ học tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt để giao tiếp, để học tập và nghiên cứu. Vai trò của tiếng Việt trong giao tiếp quốc tế ngày càng được nâng cao và khẳng định.

Tiếng Việt, đã từ lâu, còn là *chất liệu của sáng tạo nghệ thuật* – nghệ thuật ngôn từ: Từ xa xưa, cha ông ta đã dùng tiếng Việt (tuy có lúc cũng dùng chữ Hán, tiếng Hán) để tạo nên những sáng tác văn chương, văn chương dân gian, cũng như văn chương bác học. Với sự trưởng thành của dân tộc Việt và tiếng Việt, văn chương tiếng Việt đã phát triển và đạt tới những thành tựu rực rỡ với các thể loại đa dạng và hiện đại. Tiếng Việt đã tỏ rõ sức mạnh và sự tinh tế, uyển chuyển trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
Chương trình môn học	4
MỞ ĐẦU	8
Tiếng Việt và bộ môn "Tiếng Việt thực hành" (Bùi Minh Toán)	8
CHƯƠNG I : Khái quát về văn bản (Bùi Minh Toán)	22
CHƯƠNG II : Thực hành phân tích văn bản (Lê A)	36
CHƯƠNG III : Thuật lại nội dung tài liệu khoa học (Lê A)	73
CHƯƠNG IV : Tạo lập văn bản (Bùi Minh Toán)	99
CHƯƠNG V : Đặt câu trong văn bản (Đỗ Việt Hùng)	148
CHƯƠNG VI : Dùng từ trong văn bản (Bùi Minh Toán)	188
CHƯƠNG VII : Chữ viết trong văn bản (Đỗ Việt Hùng)	226
Phụ lục I : Một số văn bản nghị luận hành chính và khoa học.	253
Phụ lục II : Một số văn bản quy định về chữ viết.	262
	279

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN

Tổng Giám đốc GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập TS. PHAN XUÂN THÀNH

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Ủy viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc CTCP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội

PHAN XUÂN THÀNH

Phó tổng biên tập

PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập lần đầu:

VŨ KIM

Biên tập tái bản:

NGUYỄN TRÍ SƠN

Trình bày bìa:

TÀO THANH HUYỀN

Sửa bản in:

VƯƠNG TRÌNH - TUYẾT MINH

Chế bản:

CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
giữ quyền công bố tác phẩm

TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

Mã số: 7X149h6-DAI

In 1.000 bản (QĐ in số: 08/STK), khổ 14,5 x 20,5 cm.

Đơn vị in: In tại Công ty Cổ phần In và Vật tư Hải Dương.

Đường An Thái - Phường Bình Hàn - TP. Hải Dương.

Số ĐKXB: 116-2016/CXBIPH/328-66/GD

Số QĐXB: 511/QĐ-GD-HN ngày 04 tháng 03 năm 2016

In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2016.